

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1643/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2023

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Nhanh;
- Ông Trần Văn Triều.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số B đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 312/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4021/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị Mỹ N**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: số C tổ F, ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Dương Á**, sinh năm: 1956

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ: số 2878 Garden Ave, San Jose, CA 95111, Hoa Kỳ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, bà Phan Thị Mỹ N - nguyên đơn trình bày:

Bà N và ông Nguyễn Dương Á tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 09/01/2019).

Sau khi kết hôn, do công việc ông Á về Hoa Kỳ còn bà N ở lại Việt Nam nên vợ chồng không sống cùng nhau; vì thời gian xa cách và do cách trở địa lý làm cho hôn nhân không hạnh phúc, mặc dù bà N chủ động gọi điện thoại và nhắn tin nhiều lần để vợ chồng có cơ hội hiểu nhau hơn nhưng ông Á không nghe máy cũng không trả lời tin nhắn, chủ động cắt đứt liên lạc với vợ.

Bà N cho rằng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, cả hai không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên yêu cầu được ly hôn với ông Á.

Về con chung: Bà N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định để triệu tập và thông báo thời gian tổ chức các phiên họp hòa giải nhưng ông Nguyễn Dương Á vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Bà Phan Thị Mỹ N giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Dương Á vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Vụ án được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý đúng thẩm quyền; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự tuân thủ đúng pháp luật; gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

+ Phiên tòa được tiến hành đúng thời gian, địa điểm và thành phần như đã nêu trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật về Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn – bà Phan Thị Mỹ N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do bà N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không phát biểu quan điểm về vấn đề này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Phan Thị Mỹ N và ông Nguyễn Dương Á là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn có nơi cư trú tại Hoa Kỳ nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, ngày 02/8/2022 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã gửi Văn bản về việc Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập tham gia tố tụng cho bị đơn - ông Nguyễn Dương Á theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự đồng thời thông báo cho bị đơn biết thời gian, địa điểm mở phiên tòa theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự; ngày 29/9/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Văn bản số 2691/CH-BTP ngày 12/9/2022 của Bộ Tư pháp thông báo đã gửi các tài liệu có liên quan đến Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ để thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp. Tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa (lần thứ I) ông Nguyễn Dương Á - bị đơn không có mặt nên phiên tòa phải hoãn, đến ngày mở lại phiên tòa lần II, Tòa án không nhận được kết quả cũng không nhận được ý kiến trả lời đồng thời ông Á không có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 14/7/2022, nguyên đơn – bà Phan Thị Mỹ N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện, việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án nên tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 09/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Mỹ N và ông Nguyễn Dương Á là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn - bà Phan Thị Mỹ N thì hiện ông Nguyễn Dương Á đang sinh sống ở Hoa Kỳ còn bà N ở Việt Nam nên vợ chồng không có điều kiện sống chung với nhau dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không còn liên lạc với nhau trong khoảng thời gian dài. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã làm thủ tục ủy thác tư pháp đồng thời thông báo cho ông Á biết yêu cầu ly hôn của bà N và ngày Tòa án sẽ đưa vụ án ra xét xử (lần thứ I, II) nhưng ông Á không có mặt và không có ý kiến trả lời; điều này cho thấy ông Á không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà N nên việc hàn gắn là không còn biện pháp. Nay bà N có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1

Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đây cũng là quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về con chung: Bà N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung và tài sản chung: Bà N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn - bà Phan Thị Mỹ N phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - bà Phan Thị Mỹ N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Mỹ N được ly hôn với ông Nguyễn Dương Á.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Mỹ N chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2021/0002495 ngày 22/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Phan Thị Mỹ N được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Dương Á được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- UBND huyện Bình Chánh, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

Đặng Thị Bích Loan

